TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST Ngày: 12/6/2025 V/v :*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Sao Hôm.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2025 về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX-ST ngày 25/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 19/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị M, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1982. Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quang L, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1974. Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh anh Bùi Quang L năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã L), huyện K, tỉnh Hải Dương.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Do vợ chồng thường hay xảy ra xung đột, anh L không chăm lo cho gia đình, thường xuyên rượu say, đánh chửi vợ con, đe dọa tính mạng chị như mua xăng về dọa đốt nhà và để dao dưới gầm giường đe chém chết chị. Do không còn chịu đựng được sự hành hạ của anh L, chị đã đưa các con ra ngoài thuê nhà ở, bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ anh L cũng phải ra ở trọ

cùng chị. Vợ chồng đã sống ly thân và đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đầu năm 2020 đến nay.

Nay chị xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn đến mức quá trầm trọng, không thể đoàn tụ như Tòa án hòa giải động viên. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống, nuôi dậy con nhỏ.

Về con chung: Chị và anh L có ba con chung là Bùi Quang C, sinh ngày 23/7/2007, Bùi Thu T, sinh ngày 20/01/2009 và Bùi Thu C1, sinh ngày 28/11/2013; cả ba con chung đều đang ở cùng chị. Sau ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 15 triệu đồng/tháng và có bà V là mẹ anh L ở cùng để chăm lo cho các cháu giúp chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Công an xã L, chính quyền địa phương thôn L, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, lấy lời khai của cháu Bùi Thu C1, cháu Bùi Thu T là con anh L chị M và bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ anh L, xác định được từ ngay thời điểm trước khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh L hiện vẫn đang cư trú tại địa phương thôn L, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chị M anh L có nhiều mâu thuẫn, anh L thường rượu chè, đánh chửi vợ con, anh L chị M đã sống ly thân nhiều năm nay. Tòa án đã gửi các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L và gửi qua Ủy ban nhân dân xã L, qua Bưu điện, qua bà V là mẹ đẻ anh L, bà V xác định đã đưa các văn bản, tài liệu cho anh L, đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh L; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả ba con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L vắng mặt và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện của chị M, tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo

đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh L. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.Giao cả ba con chung Bùi Quang C, sinh ngày 23/7/2007, Bùi Thu T, sinh ngày 20/01/2009 và Bùi Thu C1, sinh ngày 28/11/2013 cho chị M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Ngô Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi Quang L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị M và anh Bùi Quang L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là xã L), huyện K, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị M và anh L là do anh L không chăm lo cho gia đình, vợ con, anh L thường xuyên rượu chè, đánh chửi vợ con, bạo lực, hành hạ chị M, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ anh L cho biết anh L chị M thường xuyên mâu thuẫn, anh L hay rượu chè rồi đánh chửi vợ con, thậm chí nhiều lần đánh chửi cả bà V, vợ chồng Miền L1 đã sống ly thân khoảng 4 năm nay; bà V cũng mong muốn Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh L1 để chị M không còn phải chịu khổ cực do anh L1 gây ra và để chị tập trung làm ăn,

nuôi các con nhỏ. Anh L1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác của Tòa án, anh xác định không đến Tòa án để làm việc, chị M muốn ly hôn thì tùy chị M; anh L1 cũng không có tác động nào nhằm động viên chị M về đoàn tụ, chứng tỏ anh không còn thương yêu, lưu luyến đối với chị M. Qua lời khai của cháu Bùi Thu C1 và cháu Bùi Thu T là con anh L1 chị M cung cấp: Bố L1 hay uống rượu, hành hạ mẹ M, đánh chửi mấy mẹ con, bố mẹ không ở cùng nhau 5 năm nay. Chính quyền địa phương thôn L, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương cũng xác nhận vợ chồng chị M anh L1 có nhiều mâu thuẫn, anh L1 thường rượu chè, đánh chửi vợ con, anh L1 chị M đã sống ly thân nhiều năm nay. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh L1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị M và anh L1 có ba con chung là Bùi Quang C, sinh ngày 23/7/2007, Bùi Thu T, sinh ngày 20/01/2009 và Bùi Thu C1, sinh ngày 28/11/2013. Cả ba con chung đều đang ở cùng chị M. Sau ly hôn, chị M xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 15 triệu đồng/tháng và bà V là mẹ anh L1 ở cùng chị M, bà V cam kết nếu Tòa án giao cả ba con chung cho chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì bà sẽ giúp chị M chăm lo cho các cháu chu đáo. Các con chung của chị M, anh L1 đều xin được ở cùng chị M. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ điều kiện của anh L1, chị M và để đảm bảo quyền lợi và ý nguyện của các con muốn được ở cùng chị M, xét nên giao cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả ba con chung đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

Chị M không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L1 vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[5] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh L1 và không thuộc trường hợp được miễn nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị M được ly hôn anh Bùi Quang L.

3/ Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung là Bùi Quang C, sinh ngày 23/7/2007, Bùi Thu T, sinh ngày 20/01/2009 và Bùi Thu C1, sinh ngày 28/11/2013 đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0006580 ngày 13 tháng 02 năm 2025.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M và anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Lai Khê, huyện Kim Thành;
- Lưu HS, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung